

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2013**

*Hà Nội - Tháng 7 năm 2013*

MỤC LỤC

	Trang
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	2 - 3
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	4
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	5
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	6 - 20

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>70.570.830.991</b>	<b>99.509.403.217</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>42.651.763.009</b>	<b>36.648.029.754</b>
1. Tiền	111		2.001.763.009	4.148.029.754
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.650.000.000	32.500.000.000
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>14.229.632.400</b>	<b>48.634.054.712</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		15.022.102.895	49.577.918.133
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(792.470.495)	(943.863.421)
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.642.435.582</b>	<b>14.118.577.824</b>
1. Phải thu khách hàng	131		4.716.351.388	5.334.854.578
2. Trả trước cho người bán	132		3.839.852	50.577.539
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	9.071.012.937	8.881.914.302
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(148.768.595)	(148.768.595)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>47.000.000</b>	<b>108.740.927</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	-	63.740.927
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	47.000.000	45.000.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>91.069.677.491</b>	<b>59.972.987.602</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>206.178.102</b>	<b>265.451.912</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	195.678.102	247.951.912
- Nguyên giá	222		587.034.280	752.925.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(391.356.178)	(504.973.651)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	10.500.000	17.500.000
- Nguyên giá	228		60.000.000	60.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.500.000)	(42.500.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>5.8</b>	<b>29.210.314.500</b>	<b>29.210.314.500</b>
1. Nguyên giá	241		29.210.314.500	29.210.314.500
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>61.617.123.413</b>	<b>30.450.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.000.000.000	13.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		48.617.123.413	17.450.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>36.061.476</b>	<b>47.221.190</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	36.061.476	47.221.190
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>161.640.508.482</b>	<b>159.482.390.819</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>11.276.901.693</b>	<b>4.058.392.460</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.246.901.693</b>	<b>4.028.392.460</b>
2. Phải trả người bán	312		438.446.242	452.931.432
3. Người mua trả tiền trước	313		-	36.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	221.777.267	714.206.713
5. Phải trả người lao động	315		663.414.970	1.084.089.881
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	8.935.379.459	213.249.506
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		987.883.755	1.527.914.928
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		30.000.000	30.000.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>150.363.606.789</b>	<b>155.423.998.359</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>150.363.606.789</b>	<b>155.423.998.359</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.13	134.257.000.000	134.257.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.13	22.884.891.294	22.834.332.577
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.13	(16.887.238.217)	(17.802.679.500)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.13	2.211.478.243	1.626.209.416
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.13	2.313.512.469	1.728.243.642
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.13	935.649.253	515.647.092
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.13	4.648.313.747	12.265.245.132
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>161.640.508.482</b>	<b>159.482.390.819</b>

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2013  
 Phó Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Nguyễn Thị Hồng Điệp

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**QUÝ II/2013**

Đơn vị : VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
				NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>1.</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	5,23	<b>2.963.426.577</b>	<b>2.063.561.797</b>	<b>5.922.746.154</b>	<b>4.381.966.472</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>3.</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>2.963.426.577</b>	<b>2.063.561.797</b>	<b>5.922.746.154</b>	<b>4.381.966.472</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	5,25	1.912.906.207	1.956.646.393	3.924.330.262	3.144.959.481
<b>5.</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1.050.520.370</b>	<b>106.915.404</b>	<b>1.998.415.892</b>	<b>1.237.006.991</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5,26	<b>1.164.676.359</b>	<b>3.718.696.284</b>	<b>3.186.600.387</b>	<b>7.911.540.356</b>
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	5,27	(165.614.519)	(1.047.790.286)	<b>430.373.616</b>	(2.183.931.986)
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		411.316.553	634.695.000	553.779.941	1.142.388.821
<b>10.</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.969.494.695</b>	<b>4.238.706.974</b>	<b>4.200.862.722</b>	<b>10.190.090.512</b>
11.	Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12.	Chi phí khác	32		-	566.114.638	-	566.114.638
<b>13.</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		-	<b>(566.114.638)</b>	-	<b>(566.114.638)</b>
<b>14.</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.969.494.695</b>	<b>3.672.592.336</b>	<b>4.200.862.722</b>	<b>9.623.975.874</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5,28	475.673.217	905.425.843	772.718.799	2.329.049.479
<b>17.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.493.821.478</b>	<b>2.767.166.493</b>	<b>3.428.143.923</b>	<b>7.294.926.396</b>
<b>18.</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	5,29	<b>137</b>	<b>257</b>	<b>315</b>	<b>678</b>

Ngày 26 tháng 07 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BÙI VĂN DŨNG

NGUYỄN THỊ HỒNG DIỆP

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
		VND	VND
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>4.200.862.722</b>	<b>9.623.975.874</b>
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	53.983.506	64.375.365
- Các khoản dự phòng	03	(151.400.526)	(3.004.443.809)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.186.600.387)	(7.091.028.533)
- Chi phí lãi vay	06	-	305.556
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>916.845.315</b>	<b>(406.815.547)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	380.841.560	8.314.779.838
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.847.045.220	2.978.739.818
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	11.159.714	(7.266.814)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(305.556)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.069.062.451)	(2.030.849.762)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	139.855.561	674.458.348
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(163.188.888)	(1.142.305.949)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>7.063.496.031</b>	<b>8.380.434.376</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.211.958.541)	(24.263.183.675)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.969.233.378	37.038.385.716
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(7.430.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.186.600.387	6.756.805.452
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>(1.056.124.776)</b>	<b>12.102.007.493</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(2.521.838.875)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	250.305.556
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(250.305.556)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.638.000)	(9.094.668.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(3.638.000)</b>	<b>(11.616.506.875)</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	<b>50</b>	<b>6.003.733.255</b>	<b>8.865.934.994</b>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<b>60</b>	<b>36.648.029.754</b>	<b>23.795.657.409</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	<b>70</b>	<b>42.651.763.009</b>	<b>32.661.592.403</b>

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2013  
 Phó Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Nguyễn Thị Hồng Diệp

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Tên giao dịch tiếng Anh: EDUCATION FINANCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt: EFI., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 là 134.257.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>VND</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.394.000	13.940.000.000	10,38%
Các cổ đông khác	12.031.700	120.317.000.000	89,62%

**Cộng**

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EFI.

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện việc mua, bán doanh nghiệp;
- Tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường;
- Xây dựng trường học các cấp;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý dự án;
- Xây dựng cao ốc;
- Cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà;
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ việc giảng dạy trong nhà trường và dịch vụ vệ sinh học đường;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh giấy;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Xây dựng và kinh doanh các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).

Hoạt động chính của Công ty trong Quý 2 năm 2013 là: Dịch vụ quản lý tòa nhà cho Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, cho các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay vốn và đầu tư chứng khoán.

**CÔNG TY CON**

Tên Công ty con	: Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và khai thác Bất động sản EFI;
Vốn điều lệ	: 6.000.000.000 đồng;
Tỷ lệ kiểm soát	: 100%;
Ngành nghề	: Dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; khách sạn; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
Trụ sở	: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Năm tài chính/kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2013.

Công ty có áp dụng thông tư 45 về TSCĐ trước 30/6 không bổ sung TM: Áp dụng Hướng dẫn kế toán mới.

**Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

Ngày 25 tháng 05 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") quy định về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 203"). Thông tư 45 có hiệu lực từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 và được áp dụng từ năm tài chính 2013. Thông tư 45 có một trong những thay đổi cơ bản so với Thông tư 203 là quy định về tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định có nguyên giá với giá trị từ 30.000.000 đồng. Việc áp dụng Hướng dẫn kế toán mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Các thay đổi trong các chính sách kế toán**

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước.

**Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

**Công cụ tài chính**

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

**6 tháng 2013 (số năm)**

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản CĐHH khác	05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là công ty mà Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ không còn được hợp nhất từ ngày Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty này.

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa công ty con và Công ty được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các chính sách của công ty con cũng có thể được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với chính sách kế toán của Công ty áp dụng.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết và liên doanh là khoản đầu tư được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	307.887.546	140.464.579
Tiền gửi ngân hàng	1.693.875.463	4.007.565.175
Các khoản tương đương tiền	40.650.000.000	32.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>42.651.763.009</b>	<b>36.648.029.754</b>

**5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư chứng khoán	7.576.102.895	7.399.022.621
Cho vay vốn ngắn hạn	7.446.000.000	42.178.895.512
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(792.470.495)	(943.863.421)
<b>Tổng</b>	<b>14.229.632.400</b>	<b>48.634.054.712</b>

**Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN/HN

	<b>30/06/2013</b>		<b>01/01/2013</b>	
	<b>Số lượng CP</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Số lượng CP</b>	<b>Giá trị VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển giáo dục Hà Nội (EID)	661.689	6.545.666.084	546.989	5.511.437.649
Công ty Cổ phần Licogi (LIG)	29.000	340.983.906	-	-
Công ty Cổ phần Phát hành Sách & Thiết bị trường học Hưng Yên (HST)	-	-	148.400	1.498.840.000
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội (EBS)	40.000	320.480.000	-	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVF)	25.000	196.794.750	-	-
Các loại cổ phiếu khác	-	172.178.155	-	388.744.972
<b>Tổng</b>		<b>7.576.102.895</b>		<b>7.399.022.621</b>

**Chi tiết cho vay vốn ngắn hạn**

	<b>30/6/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	2.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hải Trà	900.000.000	900.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà CAVICO Việt Nam	-	27.650.895.512
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha	1.329.000.000	8.400.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Huy Tuấn Phát	-	-
Công ty Cổ phần sách dân tộc	2.000.000.000	-
Các cá nhân khác	217.000.000	228.000.000
<b>Tổng</b>	<b>7.446.000.000</b>	<b>42.178.895.512</b>

**5.3 Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
Phải thu hợp thác đầu tư (*)	8.363.500.000	8.363.500.000
BHXXH	13.360.080	-
BHYT	9.989.737	12.452.142
BHTN	1.491.695	12.331.813
Lãi cho vay vốn	584.000.000	222.033.125
Dự án cầu giấy	75.000.000	75.000.000
Các khoản phải thu khác	23.671.425	196.597.222
<b>Tổng</b>	<b>9.071.012.937</b>	<b>8.881.914.302</b>

(\*) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết số 01/2012 EFI-HĐHT, số 02/2012 EFI-HĐHT; số 03/2012 EFI-HĐHT; số 04/2012 EFI-HĐHT ngày 23/4/2012 giữa các bên là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha và các cá nhân khác về đầu tư chứng khoán niêm yết, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13 Mã cổ phiếu LIG.

**5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN/HN

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	63.740.927
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>63.740.927</b>

**5.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	7.000.000	5.000.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	40.000.000	40.000.000
<b>Tổng</b>	<b>47.000.000</b>	<b>45.000.000</b>

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị: VND*

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2013	587.034.280	142.146.783	23.744.500	752.925.563
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	142.146.783	23.744.500	165.891.283
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	142.146.783	23.744.500	165.891.283
Số dư tại 30/6/2013	<u>587.034.280</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>587.034.280</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2013	354.666.533	130.070.575	20.236.543	504.973.651
Tăng trong kỳ	36.689.645	6.785.904	3.507.957	46.983.506
Khấu hao trong kỳ	36.689.645	6.785.904	3.507.957	46.983.506
Giảm trong kỳ	-	136.856.479	23.744.500	160.600.979
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	136.856.479	23.744.500	160.600.979
Số dư tại 30/6/2013	<u>391.356.178</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>391.356.178</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2013	<u>232.367.747</u>	<u>12.076.208</u>	<u>3.507.957</u>	<u>247.951.912</u>
Tại 30/6/2013	<u>195.678.102</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>195.678.102</u>

**5.7 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

**5.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và giá trị các công trình kiến trúc trên đất của các lô đất Công ty đã mua nhằm mục đích chờ tăng giá để bán trong tương lai, bao gồm các địa điểm sau:

- Số 256-258 Phan Chu Trinh, thành phố Đà Nẵng
- Lô E5 Ven biển, quận Ngũ Hành Sơn Thành phố Đà Nẵng
- Số 02, Khu tái định cư đường Nguyễn Văn Linh nối dài, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>30/06/2013</b>		<b>01/01/2013</b>	
	<b>Số lượng CP</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Số lượng CP</b>	<b>Giá trị VND</b>
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>	-	<b>13.000.000.000</b>	-	<b>13.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam (*)	-	13.000.000.000	-	13.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>520.000</b>	<b>48.617.123.413</b>	<b>520.000</b>	<b>17.450.000.000</b>
<b>Đầu tư Cổ phiếu dài hạn</b>	<b>520.000</b>	<b>5.950.000.000</b>	<b>520.000</b>	<b>5.950.000.000</b>
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty Sách Thiết bị Trường học Hà Tây	125.000	2.000.000.000	125.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>42.667.123.413</b>	-	<b>11.500.000.000</b>
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	1.642.323.414	-	-
Công ty Cổ phần tòa nhà Cavico Việt Nam (**)	-	41.024.799.999	-	11.500.000.000
<b>Tổng</b>		<b>61.617.123.413</b>		<b>30.450.000.000</b>
Dự phòng Giảm giá đầu tư dài hạn		-		-
<b>Tổng cộng</b>		<b>61.617.123.413</b>		<b>30.450.000.000</b>

**Thông tin bổ sung về khoản đầu tư:**

(\*) Đầu tư theo Hợp đồng liên doanh số 01/2008/HĐLD ngày 20 tháng 02 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng và Công ty TNHH Đầu tư và Xúc tiến thương mại KAF về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam (Incomex-Pushishing House) thực hiện đầu tư xây dựng Công trình hỗn hợp cao tầng tại 187 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

(\*\*) Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng ngày 13/12/2011, giữa Ông Nguyễn Thanh Hà và Công ty Cổ phần tòa nhà Cavico Việt Nam cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục toàn bộ sàn tầng 15 của tòa nhà Cavico Việt Nam. Đã tạm ứng toàn bộ tiền theo hợp đồng là 11.500.000.000 đồng. Hợp đồng đã Công chứng.

Biên bản thỏa thuận số 04-10/BB-TCGD ngày 04/10/2012, 03 Hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục và Công ty Cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam về việc chuyển nhượng 03 sàn Văn phòng tầng 16,17,18 của Tòa nhà Apex Tower, trị giá chuyển nhượng mỗi tầng là 9.841.600.000 đồng.



**5.10 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND</b>
Tại ngày đầu kỳ	47.221.190	19.430.345
Tăng	6.744.849	-
Phân bổ vào chi phí	17.904.563	12.261.972
<b>Tại ngày 30/6/2013</b>	<b>36.061.476</b>	<b>7.168.373</b>
<b>Chi tiết chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>30/6/2013 VND</b>	<b>30/6/2012 VND</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	36.061.476	7.168.373
Chi phí khác	-	-
<b>Tổng</b>	<b>36.061.476</b>	<b>7.168.373</b>

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước**

	<b>30/6/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	51.682.395	24.229.004
Thuế thu nhập doanh nghiệp	283.655.652	643.740.231
Thuế thu nhập cá nhân	(113.560.780)	46.237.478
<b>Tổng</b>	<b>221.777.267</b>	<b>714.206.713</b>

**5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
Kinh phí công đoàn	79.540.447	67.397.594
Bảo hiểm xã hội	87.688.012	78.062.912
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.768.151.000	67.789.000
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>8.709.220.000</i>	<i>8.858.000</i>
<i>Tiền lãi ủy thác đầu tư vào</i>	<i>58.931.000</i>	<i>58.931.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam</i>		
<b>Tổng</b>	<b>8.935.379.459</b>	<b>213.249.506</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a - DN/HN

**5.13 Vốn chủ sở hữu****a. Biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.834.332.577</b>	<b>(15.280.840.625)</b>	<b>1.063.129.590</b>	<b>1.165.163.816</b>	<b>-</b>	<b>14.161.244.970</b>	<b>158.200.030.328</b>
Tăng trong kỳ	-	-	(2.521.838.875)	563.079.826	563.079.826	895.580.417	11.741.079.916	11.240.981.110
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	11.705.376.558	11.705.376.558
Tạm trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	569.713.353	-	569.713.353
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	563.079.826	563.079.826	317.728.175	-	1.443.887.827
Tăng (chi mua cổ phiếu quỹ)	-	-	(2.521.838.875)	-	-	-	-	(2.521.838.875)
Tăng khác	-	-	-	-	-	8.138.889	35.703.358	43.842.247
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>379.933.325</b>	<b>13.637.079.754</b>	<b>14.017.013.079</b>
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	2.851.188.754	2.851.188.754
Chi cổ tức	-	-	-	-	-	-	10.785.891.000	10.785.891.000
Chi thưởng	-	-	-	-	-	291.233.325	-	291.233.325
Giảm khác (Chi thù lao HĐQT)	-	-	-	-	-	88.700.000	-	88.700.000
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.834.332.577</b>	<b>(17.802.679.500)</b>	<b>1.626.209.416</b>	<b>1.728.243.642</b>	<b>515.647.092</b>	<b>12.265.245.132</b>	<b>155.423.998.359</b>
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.834.332.577</b>	<b>(17.802.679.500)</b>	<b>1.626.209.416</b>	<b>1.728.243.642</b>	<b>515.647.092</b>	<b>12.265.245.132</b>	<b>155.423.998.359</b>
Tăng trong kỳ	-	50.558.717	915.441.283	585.268.827	585.268.827	585.268.827	3.428.143.923	6.149.950.404
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	585.268.827	585.268.827	585.268.827	-	1.755.806.481
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	3.428.143.923	3.428.143.923
Tăng khác	-	50.558.717	915.441.283	-	-	-	-	966.000.000
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>165.266.666</b>	<b>11.045.075.308</b>	<b>11.210.341.974</b>
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	2.341.075.308	2.341.075.308
Chi thưởng, chi quỹ khác	-	-	-	-	-	165.266.666	-	165.266.666
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	8.704.000.000	8.704.000.000
<b>Số dư tại 30/6/2013</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.884.891.294</b>	<b>(16.887.238.217)</b>	<b>2.211.478.243</b>	<b>2.313.512.469</b>	<b>935.649.253</b>	<b>4.648.313.747</b>	<b>150.363.606.789</b>

**5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ đông sáng lập	16.540.000.000	16.540.000.000
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	13.940.000.000	13.940.000.000
- Bà Lê Thị Vân Anh	1.350.000.000	1.350.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	1.250.000.000	1.250.000.000
Cổ đông khác	117.717.000.000	117.717.000.000
<b>Tổng</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>134.257.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>10.488.668.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	<b>30/6/2013</b>	<b>30/6/2012</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>13.425.700</b>	<b>13.425.700</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>13.425.700</b>	<b>13.425.700</b>
Cổ phiếu phổ thông	13.425.700	13.425.700
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>2.545.700</b>	<b>2.683.700</b>
Cổ phiếu phổ thông	2.545.700	2.683.700
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.880.000</b>	<b>10.742.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.880.000	10.742.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.14 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.922.746.154	4.381.966.472
<b>Tổng</b>	<b>5.922.746.154</b>	<b>4.381.966.472</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a - DN/HN

**5.15 Giá vốn hàng bán**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.924.330.262	3.144.959.481
<b>Tổng</b>	<b>3.924.330.262</b>	<b>3.144.959.481</b>

**5.16 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.981.493.012	5.864.128.956
Lãi đầu tư cổ phiếu	95.119.875	1.163.070.144
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.109.987.500	872.992.600
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	11.348.656
<b>Tổng</b>	<b>3.186.600.387</b>	<b>7.911.540.356</b>

**5.17 Chi phí tài chính**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí lãi vay	-	305.556
Lỗ đầu tư cổ phiếu	581.774.142	820.206.267
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(151.400.526)	(3.004.443.809)
<b>Tổng</b>	<b>430.373.616</b>	<b>(2.183.931.986)</b>

**5.18 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
<b>Thu nhập khác</b>	-	-
Thu nhập khác (tiền đền bù do vi phạm hợp đồng)	-	-
<b>Chi phí khác</b>	-	<b>566.114.638</b>
Chi phí khác	-	566.114.638
<b>Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	-	<b>(566.114.638)</b>

**5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.200.862.722</b>	<b>9.623.975.874</b>
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	566.114.638
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (lãi liên doanh liên kết, nhận cổ tức)	1.109.987.500	873.892.600
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>3.090.875.222</b>	<b>9.316.197.912</b>
Thuế suất áp dụng	25%	25%
<b>Thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>772.718.799</b>	<b>2.329.049.478</b>

**5.20 Lãi trên cổ phiếu**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.428.143.923</b>	<b>7.294.926.396</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>3.428.143.923</b>	<b>7.294.926.396</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.791.286	10.758.075
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>318</b>	<b>678</b>

**5.21 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.960.720	26.790.818
Chi phí nhân công	116.725.256	1.309.849.542
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.983.506	62.875.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.685.970	1.063.570.732
Chi phí khác bằng tiền	299.424.489	367.193.174
<b>Tổng</b>	<b>553.779.941</b>	<b>2.830.279.631</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2013.

**6.4 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán, và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2013.

**Kế toán trưởng**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2013*

**Phó Giám đốc**

**Bùi Văn Dũng**

**Nguyễn Thị Hồng Điệp**